

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2024/HS-ST
Ngày 26/01/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Vĩnh Mai.
2. Ông Hoàng Văn Mầm.

Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Bích Dịu - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Lệ Thủy, Kiểm sát viên.

Ngày 26/01/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 418/2023/HS-ST ngày 28/12/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2024/QĐXXST-HS ngày 11/01/2024, đối với bị cáo:

Họ và tên: Đặng Văn H, sinh ngày 19/11/2001, tại tỉnh Đắk Lắk.

Nơi cư trú: 60 T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 11/12; Dân tộc: Dao; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Đặng Văn H1, sinh năm 1969; con bà Đặng Thị B, sinh năm 1973, Bị cáo chung sống như vợ chồng, không đăng ký kết hôn với chị Nguyễn Huyền T, sinh năm 2004, Bị cáo có 01 con, sinh năm 2022.

Tiền án 01: Ngày 21/9/2021, bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng, về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 21/3/2023, chấp hành xong hình phạt; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam tại Nhà tạm giữ C thành phố B từ ngày 13 tháng 12 năm 2023, cho đến nay có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Ông Trần Văn T1.

Địa chỉ: 1 M, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Văn Đ.

Địa chỉ: A G, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

- Ông Vũ Văn C1.

Địa chỉ: F G, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

- Bà Đặng Thị B, sinh năm 1973.

Địa chỉ: F T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đặng Văn H là người đã có tiền án, về tội Trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích, mà thực hiện hành vi phạm tội cụ thể: Khoảng 19 giờ ngày 12/6/2023, khi đi về qua khu đất trống phía trước công trình xây dựng nhà ở của anh Trần Văn T1, H thấy có một số lan can sắt, khung sắt, đã hư hỏng, gỉ sắt, không có người trông coi, quản lý nên nảy sinh ý định trộm cắp. Khoảng 08 giờ ngày 13/6/2023, H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu SYM, số loại Attila, màu nâu, biển số 47B1-390.55 đi đến tiệm thu mua phế liệu của anh Nguyễn Văn Đ, H nói dối là được gia đình người quen cho mấy khung sắt vụn muốn bán thì anh Đ đồng ý. Sau đó, anh Đ điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Wave, biển số 47B1- 878.31 có gắn 01 thùng xe phía sau, đi cùng H. Khi đến bãi đất trống trước địa chỉ 4 Y, phường T, thành phố B, thấy không có ai trông coi tài sản nên H chỉ vào 01 khung kim loại có hình hộp, bằng sắt V4, có chiều dài 04m, chiều ngang 1,4m và 01 lan can bằng kim loại hình chữ nhật, chiều dài 1,1m, chiều ngang 40cm, đều đã hư hỏng, gỉ sắt, rồi cùng anh Đ chở khung kim loại và lan can về tiệm phế liệu của anh Đ. Anh Đ cân được tổng khối lượng là 74kg và trả cho H số tiền 440.000 đồng; số tiền này H đã tiêu xài cá nhân hết.

Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, H điều khiển xe mô tô biển số 47B1-390.55 quay lại bãi đất trống trước địa chỉ 4 Y phường T, thành phố B, thấy có 02 thanh sắt V4 được uốn thành hình chữ L, có chiều dài 1,5m, chiều ngang 70cm và 01 lan can bằng kim loại hình chữ nhật, chiều dài 03m, chiều ngang 80cm, đều đã hư hỏng, gỉ sắt, nên H đi vào lén lút lấy các tài sản trên, chở đến tiệm thu mua phế liệu của anh Vũ Văn C1, bán cho anh C1 được số tiền 200.000 đồng; số tiền này H đã tiêu xài cá nhân hết.

Đến khoảng 08 giờ ngày 14/6/2023, H tiếp tục điều khiển xe mô tô biển số 47B1-390.55 đến địa chỉ: 4 Y, phường T, thành phố B, thấy còn sắt vụn nên H đi đến tiệm thu mua phế liệu của anh C1, H nói dối là còn một số sắt vụn muốn bán và nói anh C1 đi cùng để chở thì anh C1 đồng ý. Sau đó, anh C1 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Wave, màu xanh, biển số 47K1-8694, phía sau có gắn 01 thùng xe bằng kim loại có 02 bánh, cùng H đến bãi đất trống trước địa chỉ 4 Y, phường T, thành phố B. Tại đây, anh C1 cùng H bê 04 tấm tôn bằng sắt có chiều dài 02m, chiều ngang 90cm, có tổng khối lượng 18kg và 01 tấm tôn bằng sắt có chiều

dài 90cm, chiều ngang 50cm, có khối lượng 01kg, đều đã hư hỏng, gỉ sắt thì bị anh Trần Văn T1 phát hiện, trình báo Cơ quan Công an.

Tại Kết luận định giá tài sản số 121 ngày 03/7/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B xác định:

- 04 tấm tôn bằng sắt có chiều dài 02m, chiều ngang 90cm, có tổng khối lượng 18kg, đã qua sử dụng thời gian dài, hư hỏng, gỉ sắt, trị giá 126.000 đồng.

- 01 tấm tôn bằng sắt có chiều dài 90cm, chiều ngang 50cm, có khối lượng 01kg, đã qua sử dụng thời gian dài, hư hỏng, gỉ sắt, trị giá 7.000 đồng.

- 02 thanh sắt V4 được uốn thành hình chữ L, có chiều dài 1,5m, chiều ngang 70cm, có tổng khối lượng 11kg, đã qua sử dụng thời gian dài, hư hỏng, gỉ sắt, trị giá 77.000 đồng.

- 01 lan can bằng sắt hình chữ nhật, chiều dài 03m, chiều ngang 80cm, có khối lượng 19kg, đã qua sử dụng thời gian dài, hư hỏng, gỉ sắt, trị giá 133.000 đồng.

- 01 khung sắt có hình hộp, bằng sắt V4, có chiều dài 04m, chiều ngang 1,4m, có khối lượng 67kg, đã qua sử dụng thời gian dài, hư hỏng, gỉ sắt, trị giá 469.000 đồng.

- 01 lan can bằng sắt hình chữ nhật, chiều dài 1,1m, chiều ngang 40cm, có khối lượng 07kg, đã qua sử dụng thời gian dài, hư hỏng, gỉ sắt, trị giá 49.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản là 861.000 đồng.

Đồ vật, tài liệu bị tạm giữ:

- 04 tấm tôn bằng sắt có chiều dài 02m, chiều ngang 90cm, có tổng khối lượng 18kg, đã qua sử dụng thời gian dài, hư hỏng, gỉ sắt.

- 01 tấm tôn bằng sắt có chiều dài 90cm, chiều ngang 50cm, có khối lượng 01kg, đã qua sử dụng thời gian dài, hư hỏng, gỉ sắt.

- 02 thanh sắt V4 được uốn thành hình chữ L, có chiều dài 1,5m, chiều ngang 70cm, có tổng khối lượng 11kg, đã qua sử dụng thời gian dài, hư hỏng, gỉ sắt.

- 01 lan can bằng sắt hình chữ nhật, chiều dài 03m, chiều ngang 80cm, có khối lượng 19kg, đã qua sử dụng thời gian dài, hư hỏng, gỉ sắt.

- 01 khung sắt có hình hộp, bằng sắt V4, có chiều dài 04m, chiều ngang 1,4m, có khối lượng 67kg, đã qua sử dụng thời gian dài, hư hỏng, gỉ sắt.

- 01 lan can bằng sắt hình chữ nhật, chiều dài 1,1m, chiều ngang 40cm, có khối lượng 07kg, đã qua sử dụng thời gian dài, hư hỏng, gỉ sắt.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Wave, màu xanh, biển số 47K1-8694, phía sau có gắn 01 thùng xe bằng kim loại có 02 bánh.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu SYM, số loại Attila, màu nâu, biển số 47B1-390.55, không có gương chiếu hậu.

Tại bản cáo trạng số: 16/CT-VKS ngày 28/12/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột truy tố bị cáo Đặng Văn H về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai nhận: Hành vi phạm tội của bị cáo như bản cáo trạng nêu trên là đúng, những lời khai tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa là hoàn toàn tự nguyện, khách quan, không bị ép cung nhục hình gì.

Những lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quá trình điều tra và tại phiên tòa là khách quan, đầy đủ và đúng sự thật của vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Đặng Văn H mức án tù 09 tháng đến 12 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Trần Văn T1, ông Nguyễn Văn Đ và ông Vũ Văn C1 không yêu cầu bị cáo bồi thường về dân sự.

Về xử lý vật chứng:

Đối với các tài sản gồm: 05 tấm tôn bằng sắt, 02 thanh sắt V4, 02 lan can bằng sắt hình chữ nhật, 01 khung sắt có hình hộp bằng sắt V4; các tài sản đều đã qua sử dụng, hư hỏng, gỉ sắt: Quá trình điều tra xác định đây là tài sản hợp pháp của anh Trần Văn T1. Ngày 15/8/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B ra quyết định xử lý vật chứng trao trả các tài sản trên cho anh T1 quản lý, sử dụng là phù hợp.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu SYM, số loại Attila, màu nâu, số máy VMVUAAD050002, số khung RLGKA11ADCD050002, biển số 47B1-390.55: Quá trình điều tra xác định đây là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của bà Đặng Thị B là mẹ của bị cáo Đặng Văn H. Việc bị cáo Đặng Văn H sử dụng chiếc xe mô tô biển số 47B1-390.55 làm phương tiện đi trộm cắp tài sản thì bà B không biết. Ngày 16/12/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc xe mô tô biển số 47B1-390.55 cho bà Đặng Thị B quản lý, sử dụng là phù hợp.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Wave, màu xanh, biển số 47K1-8694, phía sau có gắn 01 thùng xe bằng kim loại có 02 bánh: Quá trình điều tra xác định đây là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của anh Vũ Văn C1. Ngày 14/6/2023, anh C1 sử dụng chiếc xe mô tô biển số 47K1-8691 để chở 05 tấm tôn mà bị cáo Đặng Văn H bán, tuy nhiên, anh C1 không biết các tài sản đó là do bị cáo phạm tội mà có. Ngày 16/12/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc xe mô tô biển số 47K1-8691 cho anh Vũ Văn C1 quản lý, sử dụng là phù hợp.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Wave, màu mầu đỏ, biển số 47B1-878.31, phía sau có gắn thêm 01 thùng xe mà anh Nguyễn Văn Đ đã sử dụng để chở 01 lan can bằng sắt hình chữ nhật và 01 khung sắt có hình hộp bằng sắt V4, đều đã qua sử dụng, bị rỉ sét mà bị cáo Đặng Văn H bán, tuy nhiên, anh Đ không

biết các tài sản đó là do bị cáo phạm tội mà có. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B không thu giữ và đề cập xử lý là phù hợp.

Bị cáo đồng ý với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát và không tranh luận, đối đáp gì với đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

Tại phần lời nói sau cùng bị cáo tỏ thái độ ăn năn, hối cải và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo được hưởng các chính sách khoan hồng nhân đạo của pháp luật nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Xét hành vi của bị cáo là người đã có tiền án về tội trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích mà lại lén lút chiếm đoạt 05 tấm tôn bằng sắt, 02 thanh sắt V4, 02 lan can bằng sắt hình chữ nhật, 01 khung sắt có hình hộp bằng sắt V4, trị giá 861.000 đồng của ông Trần Văn T1, là phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Điều 173 Bộ Luật Hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a)

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các Điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và Điều 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;...

[3]. Xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng không những đã chiếm đoạt trái phép tài sản của người bị hại mà còn gây nên những ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo nhận thức được rằng tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật quan tâm bảo vệ, mọi hành vi chiếm

đoạt trái pháp luật đều bị trừng trị nghiêm khắc. Nhưng do ý thức coi thường pháp luật, coi thường quyền sở hữu tài sản của người khác nên trong khoảng thời gian từ ngày 13/6/2023 đến ngày 14/6/2023, bị cáo Đặng Văn H là người có tiền án về tội Trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích, lại tiếp tục trộm cắp tài sản của anh Trần Văn T1, các tài sản gồm: 05 tấm tôn bằng sắt, 02 thanh sắt V4, 02 lan can bằng sắt hình chữ nhật, 01 khung sắt có hình hộp bằng sắt V4; các tài sản đều đã qua sử dụng, hư hỏng, gỉ sắt. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo Đặng Văn H đã trộm cắp là 861.000 đồng, với mục đích tiêu xài cá nhân. Xét thấy bị cáo là người có tiền án chưa được xóa án tích lại tiếp tục nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng là “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của bộ luật hình sự. Cho nên đối với bị cáo cần thiết phải áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định. Có như vậy, mới đảm bảo phát huy tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và góp phần răn đe, phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

[4]. Tuy nhiên, xét thấy sau khi phạm tội tại Cơ quan Điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, phạm tội gây thiệt hại không lớn, tài sản đã thu được trả cho người bị hại, bị cáo là người dân tộc thiểu số, được bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt và có bố là ông Đặng Văn H1 được Giám đốc Công an tỉnh Đ, chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B tặng giấy khen. Đây là, những tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điều 51 của Bộ luật hình sự nên cần xem xét trong quá trình lượng hình để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt nhằm thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật Nhà nước.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Ông Trần Văn T1, ông Nguyễn Văn Đ và ông Vũ Văn C1 không yêu cầu bị cáo bồi thường về dân sự, vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6]. Về xử lý vật chứng:

Đối với các tài sản gồm: 05 tấm tôn bằng sắt, 02 thanh sắt V4, 02 lan can bằng sắt hình chữ nhật, 01 khung sắt có hình hộp bằng sắt V4; các tài sản đều đã qua sử dụng, hư hỏng, gỉ sắt: Quá trình điều tra xác định đây là tài sản hợp pháp của anh Trần Văn T1. Ngày 15/8/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B ra quyết định xử lý vật chứng trao trả các tài sản trên cho anh T1 quản lý, sử dụng là phù hợp.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu SYM, số loại Attila, màu nâu, số máy VMVUAAD050002, số khung RLGKA11ADCD050002, biển số 47B1-390.55: Quá trình điều tra xác định đây là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của bà Đặng Thị B là mẹ của bị cáo Đặng Văn H. Việc bị cáo Đặng Văn H sử dụng chiếc xe mô tô biển số 47B1-390.55 làm phương tiện đi trộm cắp tài sản thì bà B không biết. Ngày 16/12/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc xe mô tô biển số 47B1-390.55 cho bà Đặng Thị B quản lý, sử dụng và không đề cập xử lý đối với bà B là phù hợp.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Wave, màu xanh, biển số 47K1-8694, phía sau có gắn 01 thùng xe bằng kim loại có 02 bánh: Quá trình điều tra xác định đây là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của ông Vũ Văn C1. Ngày 14/6/2023, ông C1 sử dụng chiếc xe mô tô biển số 47K1-8691 để chở 05 tấm tôn mà bị cáo Đặng Văn H bán, tuy nhiên, ông C1 không biết các tài sản đó là do bị cáo phạm tội mà có. Ngày 16/12/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc xe mô tô biển số 47K1-8691 cho ông Vũ Văn C1 quản lý, sử dụng và không đề cập là xử lý đối với ông C1 là phù hợp.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Wave, màu mầu đỏ, biển số 47B1-878.31, phía sau có gắn thêm 01 thùng xe mà ông Nguyễn Văn Đ đã sử dụng để chở 01 lan can bằng sắt hình chữ nhật và 01 khung sắt có hình hộp bằng sắt V4, đều đã qua sử dụng, bị rỉ sét mà bị cáo Đặng Văn H bán, tuy nhiên, ông Đ không biết các tài sản đó là do bị cáo phạm tội mà có. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B không thu giữ và đề cập xử lý là phù hợp.

[7]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Đặng Văn H phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Đặng Văn H 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 13/12/2023.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Trần Văn T1, ông Nguyễn Văn Đ và ông Vũ Văn C1 không yêu cầu bị cáo bồi thường về dân sự, vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47, Điều 48 của Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, đã ra quyết định xử lý vật chứng:

Trả lại 05 tấm tôn bằng sắt, 02 thanh sắt V4, 02 lan can bằng sắt hình chữ nhật, 01 khung sắt có hình hộp bằng sắt V4; các tài sản đều đã qua sử dụng, hư hỏng, gỉ sắt cho anh Trần Văn T1 quản lý, sử dụng.

Trả lại 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu SYM, số loại Attila, màu nâu, số máy VMVUAAD050002, số khung RLGKA11ADCD050002, biển số 47B1-390.55 cho bà Đặng Thị B quản lý, sử dụng.

Trả lại 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Wave, màu xanh, biển số 47K1-8694, phía sau có gắn 01 thùng xe bằng kim loại có 02 bánh cho ông Vũ Văn C1 quản lý, sử dụng.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Đặng Văn H phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án công khai.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKS TP. BMT;
- Chi cục THA TP. BMT;
- Công an TP. BMT;
- VKS tỉnh Đắk Lắk;
- TA tỉnh Đắk Lắk;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo, đương sự;
- Lưu HS vụ án, VPCQ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Lê Đình Thanh